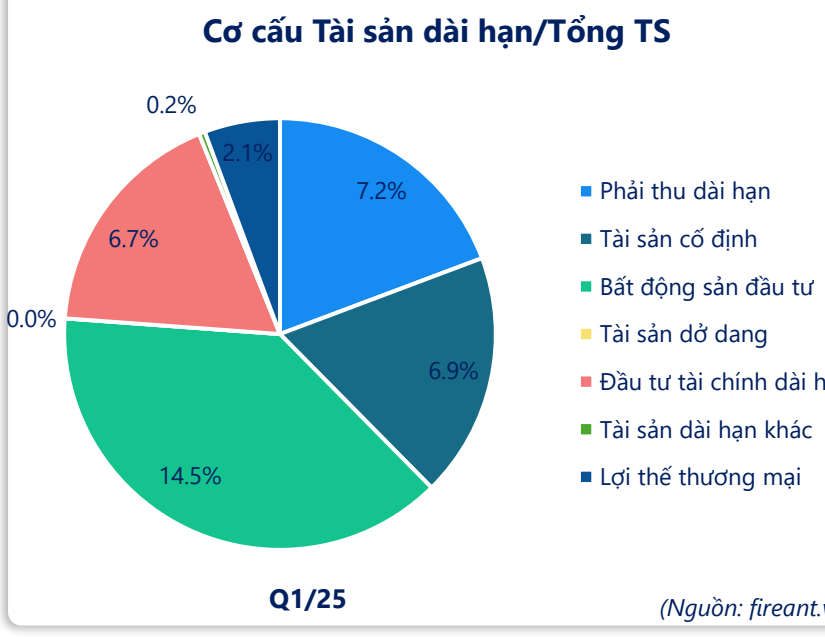
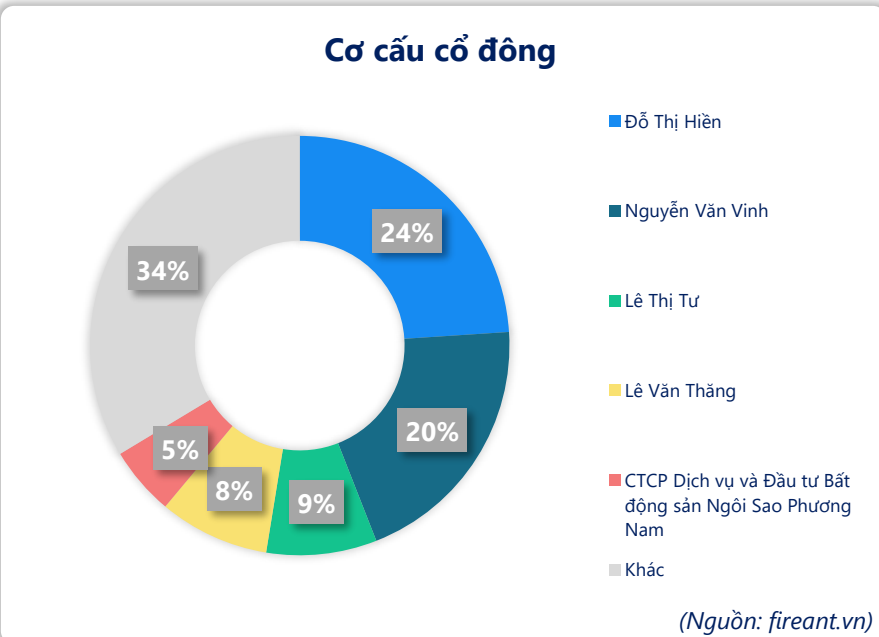
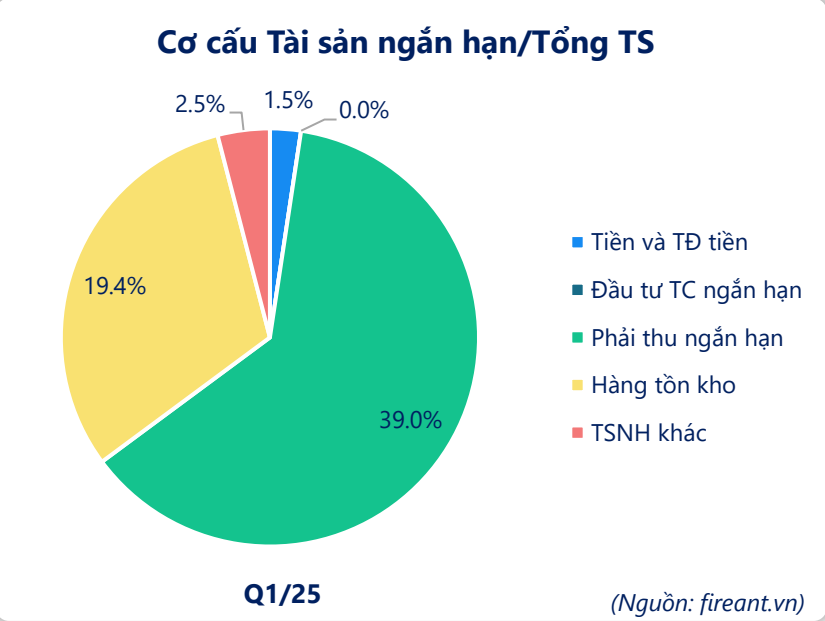
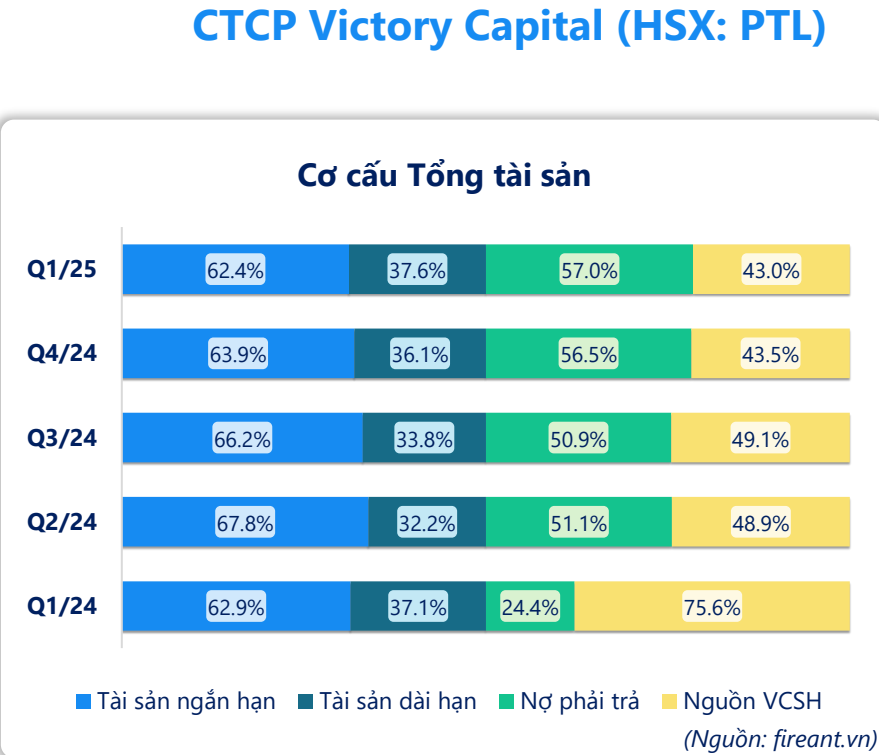
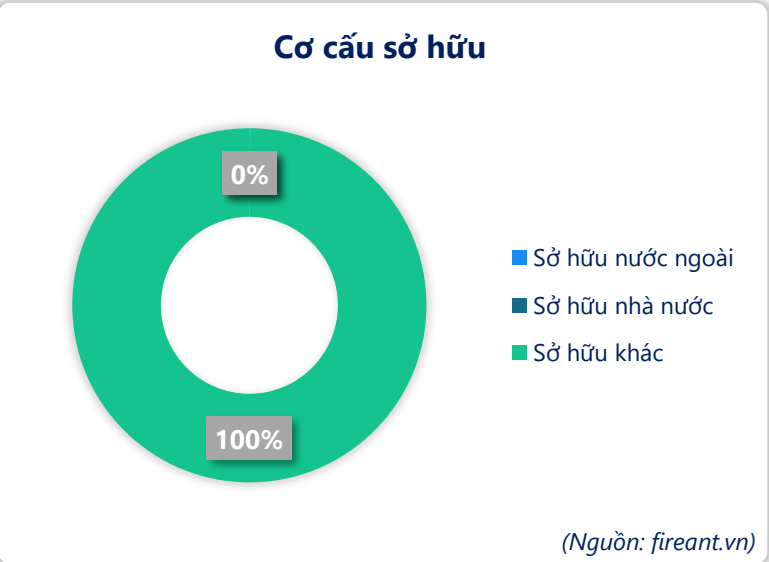
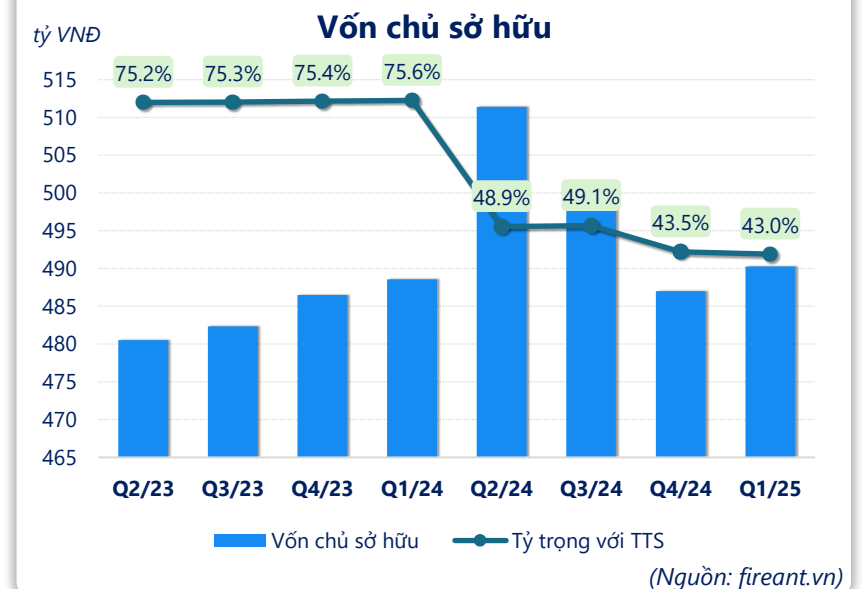
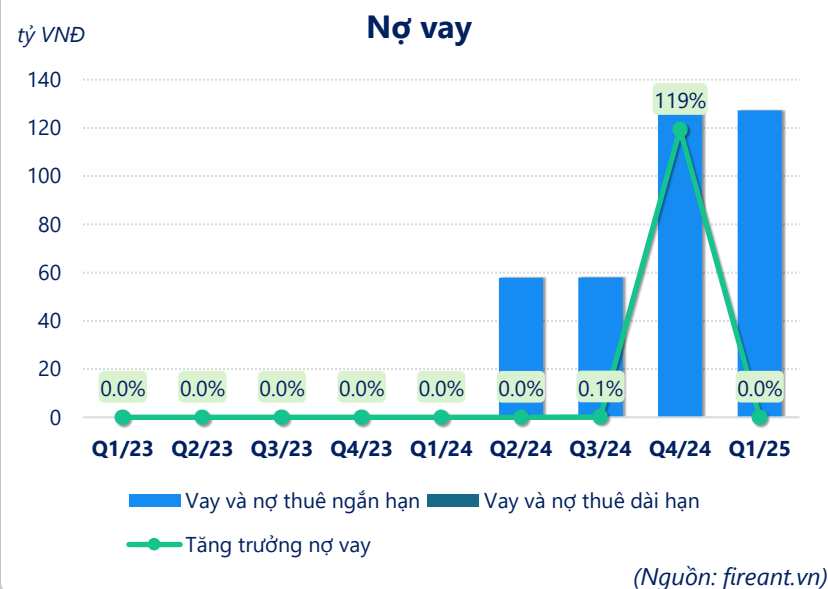
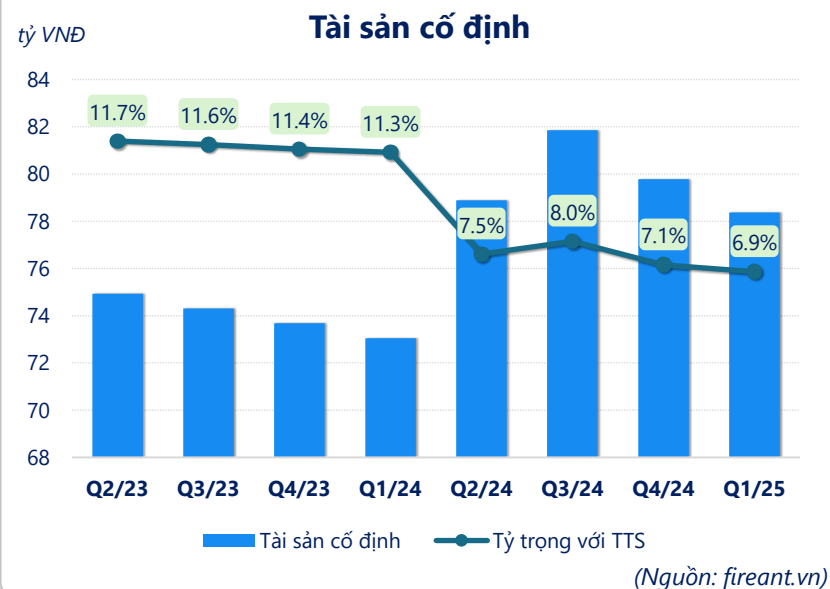
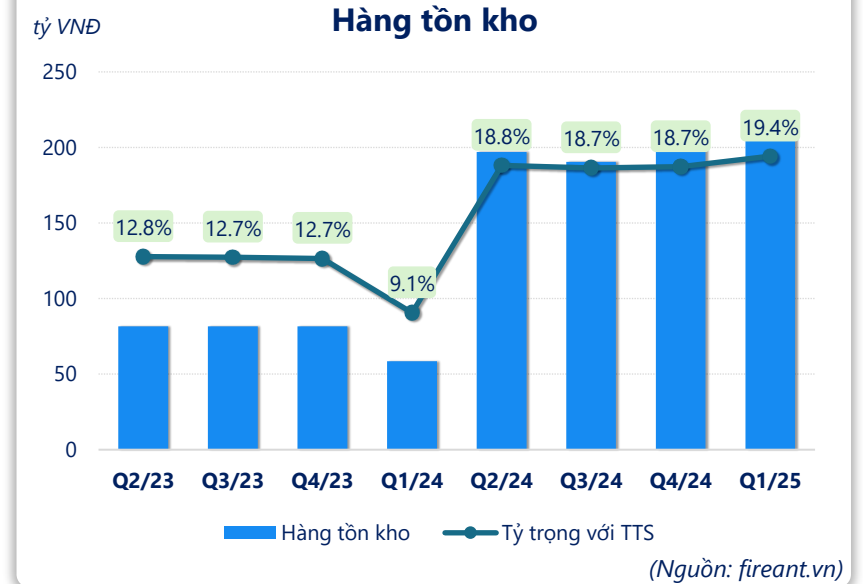
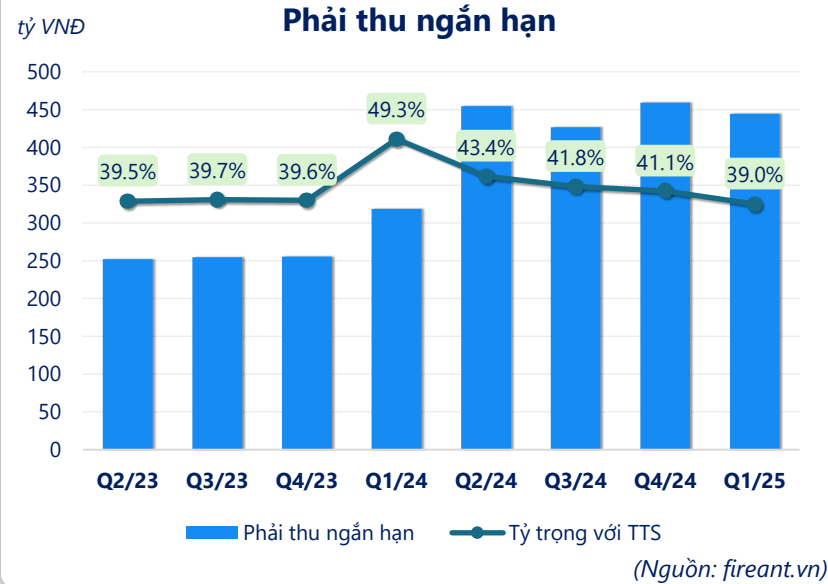
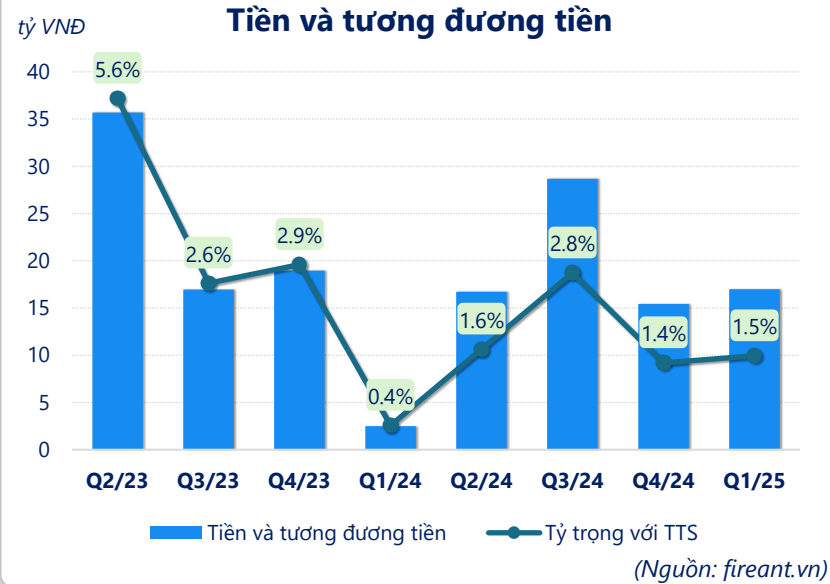
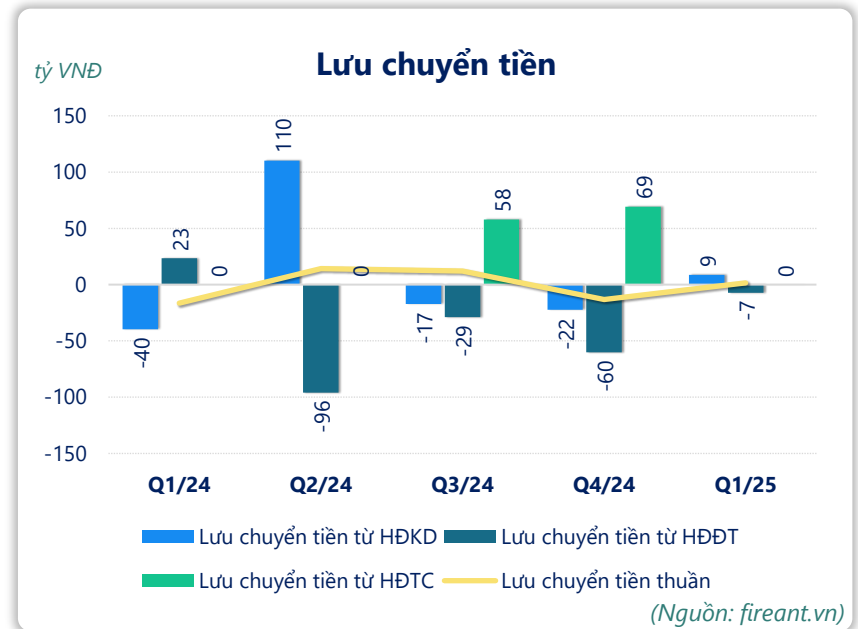
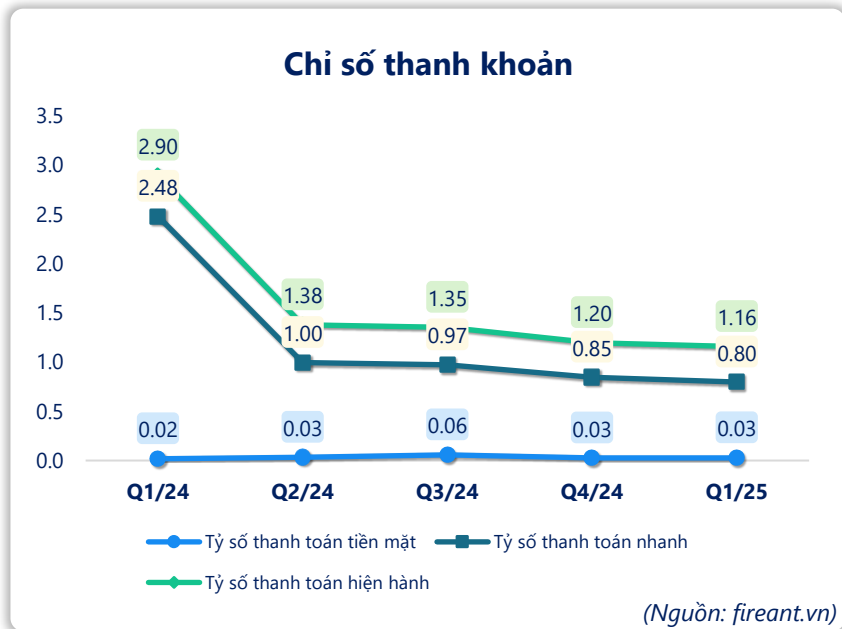
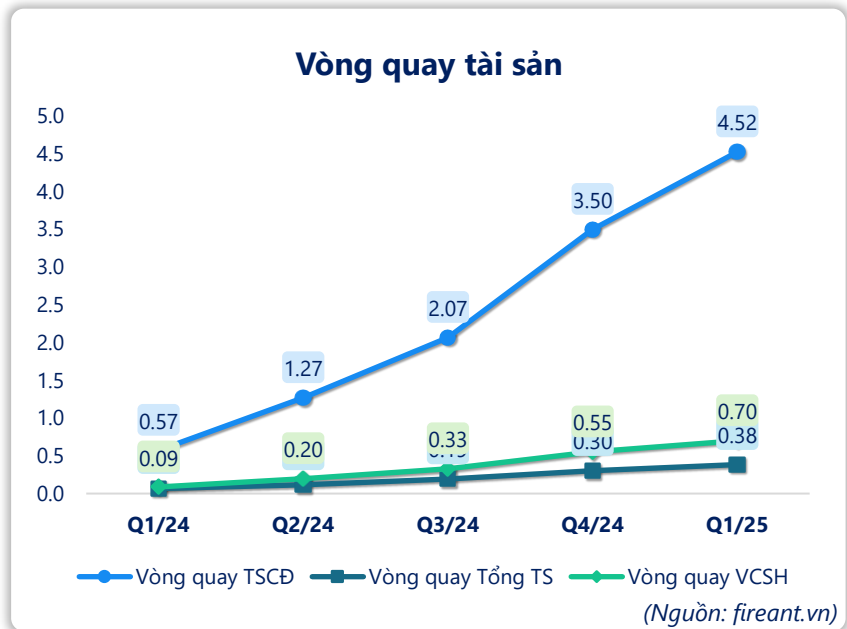
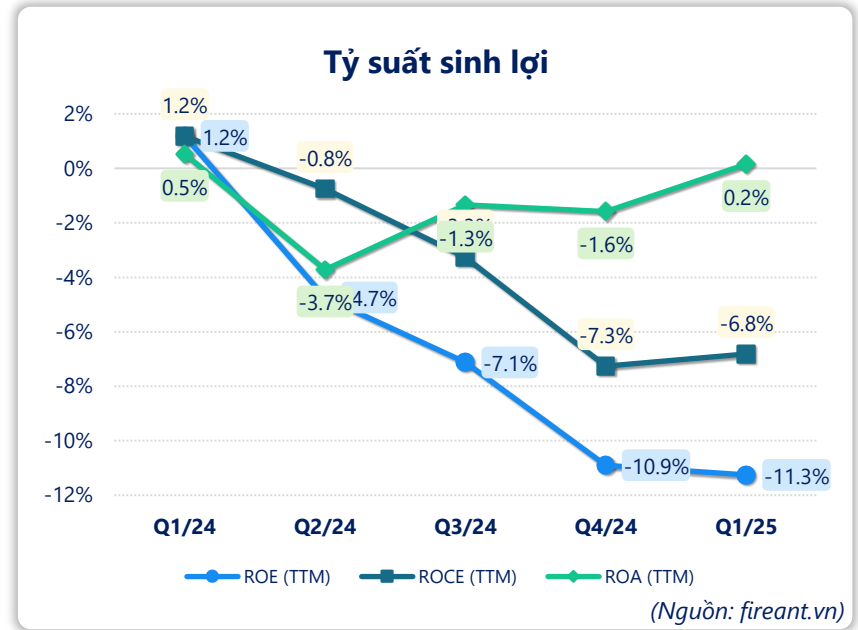
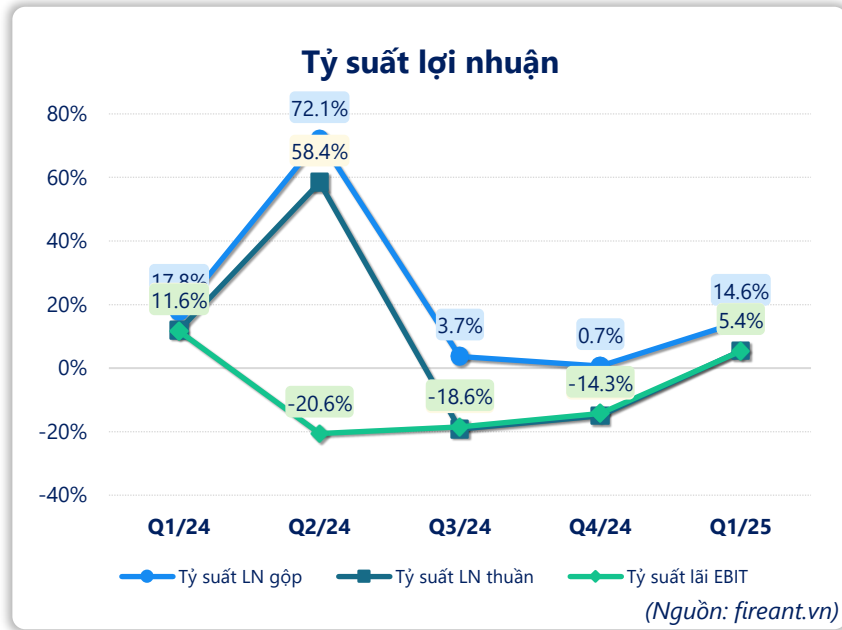
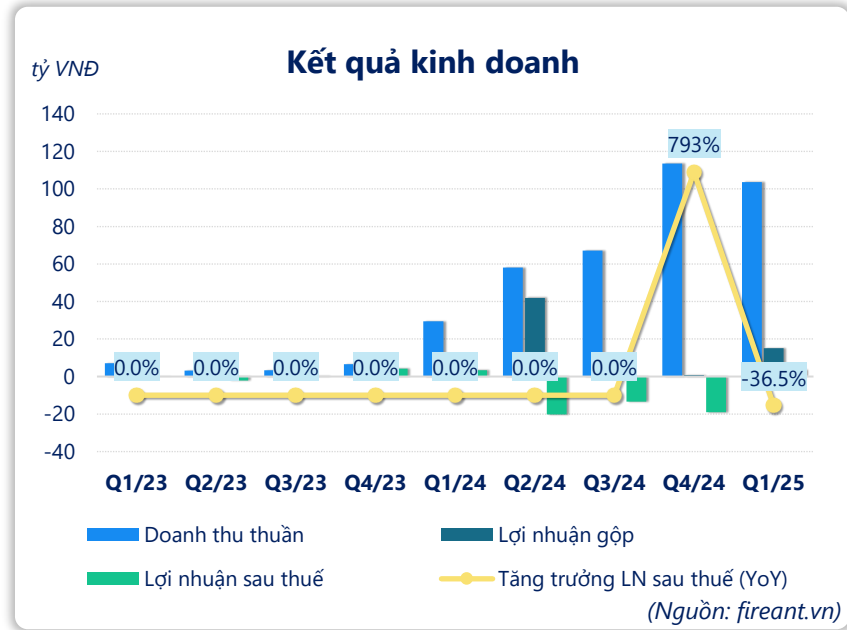


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		2,640
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		4,350
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		2,450
SL cổ phiếu LH		98,865,080
KLGD BQ 20 phiên (CP)		27,330
% sở hữu nước ngoài		0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		261
P/E		-4.7
EPS		-557

	YTD	1T	3T	6T
PTL	-4.7%	-3.3%	-5.7%	-13.2%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,139	1,119	1.8%
Tài sản ngắn hạn	711	695	2.3%
Tiền và tương đương tiền	17.0	15.4	9.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	444	440	0.9%
Hàng tồn kho	221	209	5.9%
Tài sản ngắn hạn khác	28.7	30.4	-5.7%
Tài sản dài hạn	428	423	1.0%
Phải thu dài hạn	82.5	82.4	0.1%
Tài sản cố định	78.4	79.8	-1.8%
Bất động sản đầu tư	165	166	-0.4%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	75.8	68.3	11.0%
Tài sản dài hạn khác	1.95	2.36	-17.4%
Lợi thế thương mại	24.2	24.9	-2.6%
Nợ phải trả	649	632	2.7%
Nợ ngắn hạn	615	597	3.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	127	127	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	150	150	0.1%
Nợ dài hạn	33.9	34.7	-2.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	490	487	0.7%
Vốn chủ sở hữu	490	487	0.7%
Vốn điều lệ	1,000	1,000	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	29.5	58.2	67.1	113	104
Giá vốn hàng bán	24.3	16.2	64.6	113	88.4
Lợi nhuận gộp	5.24	41.9	2.47	0.75	15.2
Doanh thu HĐTC	1.15	0.82	0.33	0.73	4.12
Chi phí TC	0	0	1.14	1.39	2.00
Chi phí lãi vay	0	0	1.14	1.39	2.00
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.05	0.15	0	0.00	0
Chi phí QLDN	2.84	8.61	14.5	17.0	11.6
LN thuần từ HĐKD	3.50	34.0	-12.9	-17.0	5.70
Lợi nhuận khác	-0.07	-46.0	-0.72	-0.68	-2.12
LN trước thuế	3.43	-12.0	-13.6	-17.6	3.58
Lợi nhuận sau thuế	3.33	-20.1	-13.4	-19.1	3.52
LNST của CĐ cty mẹ	3.41	-31.4	-11.1	-14.0	1.38

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-39.8	110	-17.3	-22.4	8.62
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	23.3	-95.9	-28.7	-60.0	-7.15
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	58.0	69.2	0.06
Tiền đầu kỳ	18.9	2.50	16.7	28.7	15.4
Lưu chuyển tiền thuần	-16.5	14.2	12.0	-13.2	1.53
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.50	16.7	28.7	15.4	17.0

(Nguồn: fireant.vn)